

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2018/DS-PT
Ngày 15 tháng 3 năm 2018

V/v “Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản và vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Tấn

Các Thẩm phán: Ông Trần Phước Hội

Bà Nguyễn Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Bình Thành - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 01/3 và 15/3/2018, tại trụ sở TAND tỉnh Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 213/2017/TLPT-DS ngày 27/10/2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản và vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 40/2017/DS-ST ngày 19/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 31/2018/QĐ-PT ngày 29/01/2018 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 46/2018/QĐ-PT ngày 01/3/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trịnh Văn B, sinh năm 1933.

Địa chỉ: Phường B, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Ông Ngô Văn R, sinh năm 1957.

Địa chỉ: xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Nguyễn Phú K, sinh năm 1957. Địa chỉ: thị trấn C, huyện C, Đồng Tháp là người đại diện theo ủy quyền của ông R. (Giấy ủy quyền số 2121 quyền số 01/TP/CC-SCC/HDGD ngày 27/6/2017).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Trịnh Văn B trình bày: Vào khoảng năm 2008 ông B có bán cho ông Ngô Văn R 5.600 cây Sưa giống giá 15.000đ/cây, số tiền là 84.000.000 đồng và ông R có vay của ông B 16.000.000 đồng để trả cho ông S làm chi phí vận chuyển cây Sưa giống đến chân núi Ba Trúc, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang. Tổng cộng ông R nợ ông B 100.000.000 đồng, ông R có nhờ ông D đem tiền trả cho ông B được 7.000.000 đồng, từ đó cho đến nay ông R cứ hẹn mà không trả tiền cho ông B. Nên, ông B yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông R phải trả cho ông B 93.000.000 đồng, tiền lãi 91.140.000 đồng và yêu cầu hỗ trợ thêm tiền lãi với lãi suất 4% là 409.000.000 đồng.

- Ông Nguyễn Phú K đại diện theo ủy quyền của ông Ngô Văn R trình bày:

Vào khoảng năm 2008 ông R có mua của ông B 5.600 cây Sưa giống giá 15.000đ/cây, tổng số tiền 84.000.000 đồng chỉ thỏa thuận miệng, không có văn bản, cũng không có tính thời hạn trả tiền mua cây và cũng không có giao kèo tính lãi, hai bên thống nhất ông B đã giao 5.600 cây Sưa giống cho ông R, ông R trả tiền trước cho ông B 10.000.000 đồng, còn lại 74.000.000 đồng, ông R đã trả tiếp cho ông B đến ngày 18/6/2013 số tiền 74.000.000 đồng, ông R đã trả đủ số tiền mua 5.600 cây Sưa giống cho ông B. Do ông B yêu cầu ông R hỗ trợ thêm tiền lãi, ông R đồng ý đã hỗ trợ thêm tiền lãi cho ông B từ ngày 18/6/2013 cho đến ngày 27/3/2014 số tiền là 33.570.000 đồng, tổng số tiền ông R trả cho ông B là 107.570.000 đồng. Ông R không thừa nhận có vay 16.000.000 đồng của ông

B. Nên, ông R không đồng ý theo yêu cầu của ông B về các khoản nợ là 93.000.000 đồng, tiền lãi 91.140.000 đồng và yêu cầu hỗ trợ lãi là 409.000.000 đồng.

Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2017/DS-ST ngày 19/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp quyết định.

Không chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của nguyên đơn là ông Trịnh Văn B yêu cầu ông Ngô Văn R trả 93.000.000 đồng tiền mua 5.600 cây Sưa giống với tiền vay và tiền lãi 91.140.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí dân sự sơ thẩm, quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự.

Ngày 04/10/2017 ông Trịnh Văn B kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu ông R trả tiền mua cây Sưa giống từ năm 2008 đến nay là 84.000.000 đồng tiền vốn, tiền vay 16.000.000 đồng, đã trả được 7.000.000 đồng. Tổng cộng là 93.000.000 đồng và hỗ trợ tiền lãi 4%/tháng từ tháng 8 năm 2008.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Bi giữ nguyên kháng cáo đối với bản án dân sự sơ thẩm số 40/2017/DS-ST ngày 19/9/2017 của Tòa án huyện C.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến, quan điểm của Viện kiểm sát về tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử công khai, đúng trình tự thủ tục tố tụng, các đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung và quan điểm giải quyết vụ án. Sau khi đánh giá các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm nêu quan điểm như sau:

Việc thương lượng mua bán cây Sưa giống giữa các đương sự là có thật, được các bên thừa nhận và thống nhất về số lượng và giá. Tại phiên tòa hôm nay

ông B thừa nhận có nhận của ông R số tiền là 7.000.000 đồng ngay ở giai đoạn giao cây và đã nhận thêm là 107.570.000 đồng, nhưng ông cho rằng đó là tiền mà ông R hỗ trợ lãi. Theo các giấy nhận tiền từ ông R các đương sự có thỏa thuận phần tiền trong việc mua bán là có lãi, nên người đại diện theo ủy quyền của ông R cho rằng các đương sự không có thỏa thuận việc trả lãi và đã trả trước cho ông B 10.000.000 đồng, nhưng không có chứng cứ để chứng minh, nên xét yêu cầu của ông B có một phần cơ sở, nhưng cấp sơ thẩm không xác định khoản tiền ông B đã nhận trong đó bao nhiêu tiền nợ và bao nhiêu là tiền lãi, nên số tiền nợ sẽ được tính lãi theo quy định và trừ dần vào vốn nợ theo quy định.

Đối với số tiền ông B cho ông R vay 16.000.000 đồng, để trả cho ông S, nhưng không có chứng cứ gì để chứng minh, nên không có cơ sở xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của ông B, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 40/2017/DS-ST ngày 19/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của các bên đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát Tỉnh, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật: Tòa án thụ lý giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán và vay tài sản là đúng theo quy định tại Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Việc ông B bán cho ông R 5.600 cây Sưa giống, hai bên không có làm hợp đồng mua bán, chỉ thỏa thuận bằng miệng, các bên đương sự thừa nhận và đã thực hiện theo sự thỏa thuận này là phù hợp với quy định tại Điều 401 và Điều 428 của Bộ luật dân sự năm 2005.

Đối với số tiền 16.000.000 đồng ông B cho rằng đã cho ông R vay và yêu cầu trả, ông R không thừa nhận có vay số tiền này, ông B cũng không có chứng

cứ gì để chứng minh ông R có vay 16.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã ủy thác cho Tòa án huyện Tri Tôn lấy lời khai, ông S không thừa nhận có nhận số tiền của ông B, ông B không yêu cầu đưa ông S tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và cũng không yêu cầu ông S có nghĩa vụ trả lại số tiền 16.000.000 đồng, mà chỉ yêu cầu ông R trả, yêu cầu của ông B là không có cơ sở chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông B là phù hợp với quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2005.

[3] Xét đối với kháng cáo ông B. Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm các bên đương sự thừa nhận có thương lượng mua bán 5.600 cây Sưa giống giá 15.000 đồng/cây thành tiền là 84.000.000 đồng vào năm 2008 là có thật. Sau đó nhiều lần ông R đã chuyển trả tiền đến ngày 27/3/2014 ông R đã trả cho B tổng cộng số tiền 107.570.000 đồng. Số tiền này ông B cũng thừa nhận và phù hợp với các chứng cứ do ông B cung cấp theo quy định tại Điều 91 và 93 của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng cho rằng đây là số tiền mà ông R hỗ trợ tiền lãi do hai bên thỏa thuận, ông R chưa trả tiền mua cây Sưa giống, nên yêu cầu ông R phải tiếp tục trả tiền nợ mua cây Sưa là không phù hợp.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm và các chứng cứ có trong hồ sơ cho thấy lời trình bày của ông R và người đại diện theo ủy quyền của ông R, cho rằng các đương sự không có thỏa thuận lãi là không có căn cứ, bởi vì theo giấy tính tiền ngày 07/02/2013 số tiền là 67.270.000 đồng có nội dung "theo dõi nhận tiền nơi thầy C về khoản hỗ trợ lãi suất cây tính đến 07/02/2013 là 67.270.000 đồng ký tên Ngô Văn R" và theo giấy ngày 27/10/2013 có ghi chú "Hẹn 15/10 al thầy sẽ thanh toán gọn gốc và lãi hỗ trợ 4% tháng". Cho thấy, việc thỏa thuận của các đương sự có lãi suất là đúng theo quy định tại Điều 305 của Bộ luật dân sự năm 2005 và được quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 về trách nhiệm dân sự do chậm thực hiện nghĩa vụ và bên chậm thực hiện nghĩa vụ có trách nhiệm trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

[5] Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm ông B cho rằng đã nhận tiền của ông R tại thời điểm giao cây là 7.000.000 đồng, người đại diện theo ủy quyền của ông R cho rằng đã giao cho ông B 10.000.000 đồng, nhưng không có chứng cứ gì để chứng minh theo quy định tại Điều 91 và 93 của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thừa nhận của ông B là có một phần căn cứ. Theo chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, cho thấy việc thương lượng của các đương sự là có lãi, sẽ được tính từ tháng 8/2008 đến ngày 07/02/2013 và được giảm dần vào vốn nợ bởi vì các đương sự không chứng minh được mỗi lần trả bao nhiêu, vào thời gian nào, phần còn lại sẽ tính tiếp theo từng giấy nhận tiền mà các đương sự thừa nhận cho đến đủ số 107.570.000 đồng mà ông B đã thừa nhận.

[6] Căn cứ theo quyết định số 1906 ngày 29/8/2008 của Ngân hàng Nhà nước, xác định mức lãi suất cơ bản theo quy định 14%/năm và sau 2010 là 9% năm. Nên, số tiền theo yêu cầu của ông B được tính lãi và điều chỉnh cho từng thời điểm như sau:

Xác định khoản tiền bán cây Sura giống là 84.000.000 đồng, đã nhận 7.000.000 đồng, số tiền nợ còn lại là 77.000.000 đồng.

- Tháng 8/2008 đến tháng 8/2009 lãi suất 14%/năm bằng 1,16%/tháng:

+ Tiền lãi từ tháng 8/2008 đến tháng 8/2009 là 12 tháng: Tiền nợ 77.000.000 đồng $\times$ 1,16%/tháng $\times$ 12 tháng = 10.718.400 đồng.

+ Tiền lãi từ 7/8/2009 đến tháng 07/02/2013 là 41 tháng 27 ngày: Tiền nợ là 77.000.000 đồng $\times$ 0,75%/tháng $\times$ 41 tháng 27 ngày = 24.197.250 đồng.

Tổng tiền lãi đến 07/02/2013 là 34.915.650 đồng. Do ông B thừa nhận đã nhận lãi 67.270.000 đồng, được trừ cho phần lãi mà ông R phải chịu nên số tiền còn lại 32.354.350 đồng. Số tiền này được trừ vào phần nợ còn lại của ông R là 77.000.000 đồng – 32.354.350 đồng = 44.645.650 đồng.

- Tiền lãi từ ngày 08/02/2013 đến 09/3/2013 là 01 tháng:

+ Tiền nợ 44.645.650 đồng $\times$ 0,75%/tháng $\times$ 01 tháng = 334.842 đồng.

+ Số tiền ông B đã nhận 4.200.000 đồng được trừ vào phần lãi là 334.842 đồng còn thừa 3.865.158 đồng, được trừ vào tiền nợ là 44.645.650 đồng, số tiền còn lại là 40.780.492 đồng.

- Tiền lãi từ ngày 10/3/2013 đến 18/6/2013 là 03 tháng 08 ngày:

+ Tiền nợ 40.780.492 đồng x 0,75%/tháng x 03 tháng 08 ngày = 999.122 đồng.

+ Số tiền ông B đã nhận 2.500.000 đồng được trừ vào phần lãi là 999.122 đồng còn thừa 1.500.878 đồng, được trừ vào tiền nợ là 40.785.375 đồng, số tiền còn lại là 39.279.614 đồng.

- Tiền lãi từ ngày 19/6/2013 đến 27/10/2013 là 04 tháng 08 ngày:

+ Tiền nợ 39.279.614 đồng x 0,75%/tháng x 04 tháng 08 ngày = 1.256.947 đồng.

+ Số tiền ông B đã nhận 4.600.000 đồng được trừ vào tiền lãi là 1.256.947 đồng còn thừa 3.343.053 đồng, được trừ vào tiền nợ là 39.279.614 đồng, số tiền còn lại là 35.936.561 đồng.

- Tiền lãi từ ngày 28/10/2013 đến 18/11/2013 là 20 ngày:

+ Tiền nợ 35.936.561 đồng x 0,75%/tháng x 20 ngày = 179.682 đồng.

+ Số tiền ông B đã nhận 7.200.000 đồng được trừ vào tiền lãi là 179.682 đồng còn thừa 7.020.318 đồng, được trừ vào tiền nợ là 35.936.561 đồng, số tiền còn lại là 28.916.243 đồng.

- Tiền lãi từ ngày 19/11/2013 đến 02/12/2013 là 13 ngày:

+ Tiền nợ 28.916.243 đồng x 0,75%/tháng x 13 ngày = 93.977 đồng.

+ Số tiền ông B đã nhận 8.000.000 đồng được trừ vào tiền lãi là 93.977 đồng còn thừa 7.906.023 đồng, được trừ vào tiền nợ là 28.916.243 đồng, số tiền còn lại là 21.010.220 đồng.

- Tiền lãi từ ngày 03/12/2013 đến 23/01/2014 là 01 tháng 20 ngày:

+ Tiền nợ 21.010.220 đồng x 0,75%/tháng x 01 tháng 20 ngày = 262.627

đồng.

+ Số tiền ông B đã nhận 2.600.000 đồng được trừ vào tiền lãi là 262.627 đồng còn thừa 2.337.373 đồng, được trừ vào tiền nợ là 21.010.220 đồng, số tiền còn lại là 18.672.847 đồng.

- Tiền lãi từ ngày 24/01/2014 đến 10/02/2014 là 16 ngày:

+ Tiền nợ 18.672.847 đồng $\times$ 0,75%/tháng $\times$ 16 ngày = 74.691 đồng.

+ Số tiền ông B đã nhận 2.000.000 đồng được trừ vào tiền lãi là 74.691 đồng còn thừa 1.925.309 đồng, được trừ vào tiền nợ là 18.672.847 đồng, số tiền còn lại là 16.747.538 đồng.

- Tiền lãi từ ngày 11/02/2014 đến 16/02/2014 là 06 ngày:

+ Tiền nợ 16.747.538 đồng $\times$ 0,75%/tháng $\times$ 06 ngày = 25.121 đồng.

+ Số tiền ông B đã nhận 2.000.000 đồng được trừ vào tiền lãi là 25.121 đồng còn thừa 1.974.879 đồng, được trừ vào tiền nợ là 16.747.538 đồng, số tiền còn lại là 14.772.659 đồng.

- Tiền lãi từ ngày 17/02/2014 đến 27/3/2014 là 01 tháng 09 ngày:

+ Tiền nợ 14.772.659 đồng $\times$ 0,75%/tháng $\times$ 01 tháng 09 ngày = 144.033 đồng.

+ Số tiền ông B đã nhận 2.000.000 đồng được trừ vào tiền lãi là 144.033 đồng còn thừa 1.855.967 đồng, được trừ vào tiền nợ là 14.772.659 đồng, số tiền còn lại là 12.916.692 đồng.

- Tiền lãi từ ngày 28/3/2014 đến 19/9/2017 là 03 năm 05 tháng 21 ngày:

+ Tiền nợ 12.916.692 đồng $\times$ 0,75%/tháng $\times$ 03 năm 05 tháng 21 ngày = 4.088.133 đồng.

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của ông Trịnh Văn B, sửa bản án sơ thẩm số 40/2017/DS-ST ngày 19/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện C. Buộc ông Ngô Văn R có trách nhiệm trả cho ông B số tiền mua cây Sưa giống còn nợ 12.916.692 đồng cùng

với tiền lãi đến ngày 19/9/2017 là 4.088.133 đồng. Tổng cộng số tiền ông R phải trả cho ông B là 17.004.825 đồng là đúng quy định.

Do chấp nhận một phần kháng cáo của ông B và buộc ông R có nghĩa vụ phải trả tiền cho ông B, nên ông R phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị sửa bản án sơ thẩm của Tòa án huyện C theo hướng thương lượng việc mua bán cây Sưa giống của các đương là có lãi và điều chỉnh lãi suất theo quy định. Xét thấy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

Do bản án sơ thẩm bị sửa, nên ông B không phải chịu án phí phúc thẩm theo khoản 2 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 305, 401, 428, 438, 471 của Bộ luật dân sự 2005;

Căn cứ các Điều 357, 468, 688 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Căn cứ Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Trịnh Văn B.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 40/2017/DS-ST ngày 19/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện C.

Buộc ông Ngô Văn R phải trả cho ông Trịnh Văn B số tiền mua cây Sưa giống còn nợ và lãi tổng cộng là 17.004.825 đồng (trong đó nợ tiền mua cây là 12.916.692 đồng và tiền lãi đến ngày 19/9/2017 là 4.088.133 đồng).

Kể từ ngày ông Trịnh Văn B có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Ngô Văn R chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357; 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm:

Ông Trịnh văn B được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, ông B được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.325.000 đồng theo biên lai thu số 038583 ngày 31/3/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Ông Ngô Văn R phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 850.241 đồng.

Ông Trịnh văn B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thanh Tấn